

Bản án số: 21/2021/DS-PT

Ngày 19-5-2021

Về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Chương

Bà Bùi Thị Ngọc

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2021/TLPT-DS ngày 21 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2020/DS-ST, ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2021/QĐ-PT ngày 21-4-2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phùng Thị D; địa chỉ: Số 13, đường B, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Bị đơn: Bà Lưu Thị H; địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Đỗ Thị H – Vắng mặt.

- Anh Đỗ Hoàng N – Có mặt.

Cùng địa chỉ: Số 13, đường B, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông

- Chị Đỗ Thị Q địa chỉ: Tổ 7, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Đỗ Thị H, anh Đỗ Hoàng N, chị Đỗ Thị Q: Bà Phùng Thị D; địa chỉ: Số 13, đường B, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- Anh Trần Bá L – Có mặt.

- Anh Trần Bá H - Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

- Ông Nguyễn Chí C và bà Đỗ Thị N ; địa chỉ: Số 252, đường N, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

- Bà Đặng Thị Kim L; ông Ngân Hồng K; ông Hà Văn T; ông Lữ Văn M; ông Lê Thế B; cùng địa chỉ Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông– Đều có mặt

- Ông Lữ Văn U; ông Nguyễn Tăng H; cùng địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Lan A ; địa chỉ: Số 07, đường B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Lưu Thị H.

Kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31-7-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phùng Thị D trình bày:

Năm 1993 ông Nguyễn Chí C (anh rể của chồng bà D) có nhận chuyển nhượng của ông H thửa đất tại thôn B, xã Đ. Do không có điều kiện trông nom, quản lý nên ông Nguyễn Chí C có cho vợ chồng bà Phùng Thị D, ông Đỗ Văn T mượn đất để canh tác đồng thời quản lý thửa đất giùm ông C. Đến ngày 07-11-2000 thì ông C tặng cho vợ chồng bà D thửa đất nêu trên, khi tặng cho hai bên tự lập giấy viết tay, không có xác nhận của chính quyền địa phương. Năm 2003 vợ chồng bà D tiến hành kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt là GCNQSDĐ) thì được cấp GCNQSDĐ số X 800638 đối với thửa số 58, tờ bản đồ số 41, diện tích 8.640m². Đối với phần đất còn lại thuộc thửa số 57, tờ bản đồ số 41, bao gồm phần đất tranh chấp thì vợ chồng bà D chưa kê khai nhưng vẫn quản lý, sử dụng từ khi khai hoang cho đến nay.

Trong quá trình sử dụng đất thì vào ngày 09-4-2001, hộ ông Trần Bá D, bà Lưu Thị H có mượn ông Nguyễn Chí C một phần đất để ở. Khi mượn đất, ông Trần Bá D, bà Lưu Thị H có viết giấy tay mượn đất cho ông C. Đến năm 2004, do vị trí đất hộ bà H mượn của ông Công bị giải tỏa để làm Trạm thu phí đường bộ số 4 nên hộ bà H, ông Trần Bá D phải di dời và có mượn đất của gia đình bà Phùng Thị D để ở, bán quán tạp hóa, là diện tích đất đang tranh chấp hiện nay. Đến năm 2017, do cần đất để dựng nhà cho con trai nên bà Phùng Thị D yêu cầu bà Lưu Thị H trả lại đất đã mượn nhưng bà Lưu Thị H cố tình không trả, mục đích chiếm đất của gia đình bà Phùng Thị D. Vì vậy, bà Phùng Thị D đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Lưu Thị H phải trả lại diện tích đất đã mượn là 178m² theo kết quả đo đạc, thẩm định tại chỗ.

Bị đơn bà Lưu Thị H trình bày: Năm 2001 gia đình bà có mượn của ông Nguyễn Chí C một mảnh đất mặt đường quốc lộ 14 để ở. Khi mượn có viết giấy tay mượn đất nhờ vợ chồng bà Phùng Thị D, ông Đỗ Văn T đưa về cho ông C. Năm 2003 do xây dựng trạm thu phí tại nên Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã Đ (Ông Hà Công L- Chủ tịch UBND xã, ông Nguyễn Tăng H – Cán bộ địa chính, ông Lê Thế B – Trưởng thôn) có bố trí, di dời cho gia đình bà đến vị trí đất hiện nay đang tranh chấp, thời điểm đó trên đất đang là cây rừng nên gia đình bà khai hoang, dựng nhà sinh sống đến nay. Bà có làm đơn xin cấp

GCNQSDĐ thì được UBND xã xác nhận cho bà diện tích nêu trên là đất ở. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị D thì bà Lưu Thị H không đồng ý do không mượn đất của bà Phùng Thị D.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí C, bà Đỗ Thị N trình bày: Năm 1994-1995 vợ chồng ông C, bà N có nhận chuyển nhượng của ông H một mảnh rẫy ở thôn B, xã Đ, huyện Đ, gồm 02 thửa đất đã trồng cà phê và cây rừng bụi nhỏ. Đến năm 1999-2000 thì tặng cho vợ chồng ông Đỗ Văn T, bà Phùng Thị D nhưng gần đây mới viết giấy tặng cho đề ngày 07-11-2000. Trong thời gian sử dụng đất, ông C có kê khai cấp GCNQSDĐ thì được cấp một phần thửa đất đứng tên con gái là Nguyễn Thị Lan A, phần đất còn lại chưa được cấp GCNQSDĐ.

Năm 2001 thì ông C có cho vợ chồng bà Lưu Thị H mượn đất, vị trí đất không rõ tứ cận nhưng thuộc phần đất được cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị Lan A. Năm 2003 thửa đất cho bà Lưu Thị H mượn bị giải tỏa để làm trạm thu phí. Việc gia đình bà Lưu Thị H di dời đến vị trí đất khác thì ông, bà không biết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị Q, chị Đỗ Thị H, anh Đỗ Hoàng N (Con của bà D) trình bày: Diện tích đất tranh chấp là tài sản chung của gia đình và anh, chị đã ủy quyền cho bà Phùng Thị D toàn quyền giải quyết tranh chấp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Bá L, anh Trần Bá H (con của bà Lưu Thị H) trình bày: Các anh không biết về nguồn gốc đất, nhưng từ trước đến nay do gia đình anh sử dụng, không tranh chấp. Do đó đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Phùng Thị D.

Người làm chứng ông Nguyễn Tăng H, ông Lê Thế B trình bày: Ông xác định lời khai của bà Lưu Thị H là đúng. Thời điểm năm 2000 có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân về việc quy hoạch cấp đất giãn dân tại thôn 1, xã Đ. Xác định rõ toàn bộ khu vực làng Thái (Từ mặt đường quốc lộ 14 sâu vào 100m) không cấp GCNQSDĐ cho người dân. Trước đây, hộ bà Lưu Thị H ở tại vị trí Trạm thu phí (Cách vị trí hiện nay đang ở khoảng 150m) nhưng đến năm 2003 phải giải tỏa để làm Trạm thu phí nên UBND xã Đ đã di dời hộ bà Lưu Thị H đến vị trí đất hiện nay. Thời điểm di dời thì trên đất tranh chấp là cây rừng, sau đó hộ bà H phát dọn và dựng nhà sinh sống cho đến nay.

Người làm chứng ông Ngân Hồng L, ông Hà Văn T, ông Lữ Văn M, bà Đặng Thị Kim L trình bày: Năm 1998 gia đình chuyển đến lập nghiệp tại xã Đ và khai hoang diện tích đất gần với phần đất do ông Đỗ Văn T, bà Phùng Thị D canh tác, trồng cà phê. Đến năm 2004 thì thấy bà Lưu Thị H từ trạm thu phí chuyển đến vị trí mặt tiền của ông Đỗ Văn T ở, lý do vì sao thì ông, bà không biết.

Người làm chứng ông Lữ Văn U trình bày: Ông có khai hoang phần đất liền kề với đất ông Đỗ Văn T, bà Phùng Thị D. Thời điểm đó, phía trước mặt đường quốc lộ 14 đã phát quang nhưng chưa canh tác sử dụng, phía trong thì người dân trồng cà phê. Còn bà Lưu Thị H thì ở vị trí trạm thu phí hiện nay, đến 2004 mới di dời đến vị trí đất hiện nay giáp đất ông Lữ Văn U ở, lý do vì sao thì ông không biết.

Tại bản án số : 51/2021/DS-ST ngày 26-11-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã: Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147;

Điều 156; Điều 165; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 3; Điều 24 Luật Đất đai năm 1993; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị D đối với bà Lưu Thị H.

Buộc bà Lưu Thị H, anh Trần Bá H, anh Trần Bá L phải trả lại cho bà Phùng Thị D diện tích đất 178m², có tứ cận: Phía Đông giáp thửa số 57 bà Phùng Thị D đang quản lý, sử dụng, dài 8,28m; Phía Tây giáp Quốc lộ 14, dài 9,44m; Phía Nam giáp thửa 57 bà Phùng Thị D đang quản lý, sử dụng, dài 19,72m; Phía Bắc giáp thửa 57 bà Phùng Thị D đang quản lý, sử dụng, dài 20,53m (Chưa trừ diện tích nằm trong lộ giới giao thông là 35,9m²). Bà Phùng Thị D được quyền sử dụng toàn bộ tài sản gắn liền trên 178m² đất nêu trên và phải thanh toán cho bà Lưu Thị H số tiền 32.418.107đ (*Ba mươi hai triệu bốn trăm mười tám nghìn một trăm linh bảy đồng*).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03-12-2020 bị đơn bà Lưu Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của bà Phùng Thị D.

Ngày 11-12-2020 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 105/KNPT-DS ngày 11-12-2020 kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự trình bày nội dung như ở giai đoạn sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông Quyết định rút toàn bộ Quyết định kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 284; khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil; sửa Bản án sơ thẩm số: 51/2021/DS-ST ngày 26-11-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phùng Thị D; buộc bà Phùng Thị D phải chịu án phí và chi phí tố tụng khác theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của đương sự, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu lưu trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông rút toàn bộ kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đối với Bản án sơ thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil.

[2]. Về nguồn gốc sử dụng đất của gia đình bà Lưu Thị H: Năm 2001 hộ bà Lưu Thị H có mượn của ông Nguyễn Chí C một mảnh đất mặt đường quốc lộ 14 để ở. Năm 2003 do xây dựng Trạm thu phí nên UBND xã Đ đã bố trí, di dời cho gia đình bà H đến vị trí đất hiện nay đang tranh chấp; thời điểm di dời, trên đất đang là cây rừng, tre nứa nên gia đình bà H khai hoang, dựng nhà sinh sống. Việc bố trí đất cho gia đình bà H là do ông Hà Công L- Chủ tịch UBND xã, ông Nguyễn Tăng H – Cán bộ địa chính, ông Lê Thế B – Trưởng thôn thực hiện. Tại Biên bản Hòa giải tranh chấp đất đai ngày 20-4-2017 (BL 11) và tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phùng Thị D cũng thừa nhận phần trước mặt đường quốc lộ 14 vẫn còn cây rừng, tre nứa, gia đình bà Phùng Thị D chưa canh tác mà chỉ dọn đường đi vào rẫy phía sau. Tại biên bản làm việc ngày 05-3-2019 (BL 158), UBND xã Đ đã cung cấp thông tin vào thời điểm di dời gia đình bà Lưu Thị H đến diện tích đất hiện nay đang tranh chấp thì trên đất là cây tre, nứa không có người sử dụng và hiện nay cũng chưa được cấp GCNQSDĐ cho ai; năm 2014, UBND xã Đ xác nhận đất ở cho gia đình bà Lưu Thị H căn cứ vào việc sử dụng đất trên thực tế. Lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Tăng H, ông Lê Thế B là những người thực hiện việc di dời đối với gia đình bà H cũng xác nhận nguồn gốc, thực tế sử dụng đất của gia đình bà H là đúng và do UBND xã bố trí, di dời; chỉ đạo là ông Hà Công L – Nguyên Chủ tịch UBND xã Đ, đã chết năm 2005. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, gia đình bà Lưu Thị H có khai hoang, sử dụng diện tích đất tranh chấp từ năm 2003 đến nay là có căn cứ, đúng trên thực tế, trường hợp không có tranh chấp thì đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ theo quy định tại khoản 2 Điều 101 của Luật Đất đai năm 2013 quy định: *“Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy hoạch thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.”*

[3]. Đối với việc bà Phùng Thị D cho rằng có cho gia đình bà Lưu Thị H mượn diện tích đất 178m² theo kết quả đo đạc, hiện đang tranh chấp là không có căn cứ, bởi lẽ: Theo lời khai của bà Phùng Thị D thì việc cho mượn đất chỉ thỏa thuận bằng miệng, không có giấy tờ gì chứng minh, không được bà Lưu Thị H thừa nhận. Bà Phùng Thị D có cung cấp cho Tòa án 01 giấy viết tay của ông Hà Công L – Nguyên Chủ tịch xã Đ có nội dung: *“Theo kế hoạch của Huyện và bản đồ quy hoạch Ủy ban xin ý kiến của Đảng Ủy chỉ đạo Nghị Quyết của HĐND xã quy hoạch giãn dân từ đồi 48 đến giáp Chưc Sơn. 2 mặt quốc lộ 14 từ đường vào 100m để cấp thổ cư giãn dân. Sang tuần chúng tôi đo đạc phân lô. Vậy yêu cầu có gì thắc mắc lên gặp địa chính xã vì chúng tôi đã thông báo năm 2001.*

Trường hợp anh Dũng cấp bách nên chúng tôi đo đạc trước , mong chủ thông cảm tạo điều kiện giải tỏa thi công” , để chứng minh diện tích đất tranh chấp do gia đình bà Phùng Thị D khai hoang, sử dụng nhưng Hội đồng xét xử xét thấy : Thư tay của ông Hà Côn g L không thể hiện việc gia đình bà Phùng Thị D sử dụng đất tại vị trí tranh chấp, cũng không thể hiện việc bà Lưu Thị H mượn đất của gia đình bà Phùng Thị D. Hơn nữa, ngày 26-02-2003 khi kê khai xin cấp GCNQSDĐ thì gia đình bà Phùng Thị D cũng chỉ kê khai diện tích đất 8.640m² thuộc thửa số 58, tờ bản đồ số 41 không bao gồm thửa đất tranh chấp với bà Lưu Thị H thuộc thửa số 57, tờ bản đồ số 41 (BL 128).

[4]. Ngoài ra, về thời điểm, diện tích, tứ cận thửa đất của hộ bà Phùng Thị D cũng có nhiều mâu thuẫn , cụ thể: Bà Phùng Thị D cho rằng ngày 07-11-2000 nhận tặng cho thửa đất từ vợ chồng ông Nguyễn Chí C , bà Đỗ Thị N , khi nhận tặng cho thì có lập giấy viết tay (BL 22) nhưng lời khai của ông Nguyễn Chí C thể hiện giấy tặng cho hộ bà Phùng Thị D thửa đất không phải lập ngày 07-11-2000 mà gần đây mới lập và đề ngày 07-11-2000, mâu thuẫn với lời khai của chính bà Phùng Thị D thừa nhận thời điểm năm 2001 hộ ông Trần Bá D, bà Lưu Thị H mượn đất thì vẫn là mượn đất của ông Nguyễn Chí C, khi mượn đất có lập giấy viết tay đề ngày 09-4-2001 (BL 207) không phải mượn đất của bà Phùng Thị D. Hơn nữa, việc lập giấy tay tặng cho đất giữa ông C và N với vợ chồng bà Phùng Thị D không có xác nhận của chính quyền địa phương , không thể hiện diện tích , tứ cận thửa đất tặng cho cụ thể . Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Phùng Thị D cho rằng vào ngày 07-11-2000 được ông Nguyễn Chí C, bà Đỗ Thị N tặng cho thửa đất bao gồm diện tích đất đang tranh chấp với bà Lưu Thị H là không có căn cứ để chấp nhận.

[5]. Từ những chứng cứ và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy : Việc sử dụng đất của hộ bà Lưu Thị H là có căn cứ, đúng pháp luật nhưng Toà án cấp sơ thẩm buộc bà Lưu Thị H phải trả lại đất cho bà Phùng Thị D là không có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Lưu Thị H; sửa bản án sơ thẩm số : 51/2021/DS-ST ngày 26-11-2020 của Toà án nhân dân huyện Đắk Mil theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phùng Thị D.

[6]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

[7]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ , định giá tài sản: Căn cứ khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự : Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên nguyên đơn bà Phùng Thị D phải chịu 7.739.000đ (*Bảy triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng*) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản được trừ vào số tiền 7.739.000đ (*Bảy triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng*) đã nộp tại Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

[8]. Về án phí sơ thẩm : Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự : Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên nguyên đơn bà Phùng Thị D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm , được trừ vào số tiền 1.250.000đ (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 000748 ngày 16-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Hoàn trả cho bà Phùng Thị D số tiền: 950.000đ (*Chín trăm năm mươi nghìn đồng*).

[9]. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bà Lưu Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Lưu Thị H số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0003838 ngày 29-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 284; khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số : 105/KNPT-DS ngày 11-12-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil.

2. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lưu Thị H. Sửa bản án sơ thẩm số: 51/2021/DS-ST ngày 26-11-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 38; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 148; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 101; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị D về việc yêu cầu bà Lưu Thị H trả lại diện tích đất 178m², có tứ cận: Phía Đông giáp thửa số 57 bà Phùng Thị D đang quản lý sử dụng, dài 8,28m; Phía Tây giáp Quốc lộ 14, dài 9,44m; Phía Nam giáp thửa 57 bà Phùng Thị D đang quản lý, sử dụng, dài 19,72m; Phía Bắc giáp thửa 57 bà Phùng Thị D đang quản lý, sử dụng, dài 20,53m (Chưa trừ diện tích nằm trong lộ giới giao thông là 35,9m²).

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Nguyên đơn bà Phùng Thị D phải chịu 7.739.000đ (*Bảy triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng*) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản được trừ vào số tiền 7.739.000đ (*Bảy triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng*) đã nộp tại Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

4. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Phùng Thị D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 1.250.000đ (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 000748 ngày 16-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Hoàn trả cho bà Phùng Thị D số tiền 950.000đ (*Chín trăm năm mươi nghìn đồng*).

5. Về án phí phúc thẩm: Bà Lưu Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Lưu Thị H 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0003838 ngày 29-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Quốc Hương

